

Bản án số: 04/2020/KDTM-PT

Ngày: 08/5/2020

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

-Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Trí Dũng

Các Thẩm phán :

Ông Phạm Lâm Đồng

Bà Bùi Thị Cẩm Thúy

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Khải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ Bà Nguyễn Ngọc Chúc - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2020/KDTM-PT ngày 18 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp: Hợp đồng mua bán.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 03/2019/KDTM-ST ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 34/2020/QĐ-PT ngày 04 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Hộ Kinh doanh N

Địa chỉ: ấp E, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Hoàng N

Địa chỉ: đường T, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 28 tháng 02 năm 2019).

2. Bị đơn: Hợp tác xã nông nghiệp D

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân L- Chủ tịch HĐQT.

Địa chỉ: ấp T, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L1, Đỗ Ngọc T1, Nguyễn Văn G.

Cùng địa chỉ: ấp T, thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

UBND thị trấn T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ: ấp P, thị trấn T, huyện V, TP. Cần Thơ

4. Người kháng cáo: Hộ kinh doanh Nguyễn Đức M

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Hộ kinh doanh Nguyễn Đức M (gọi tắt hộ kinh doanh) khởi kiện yêu cầu Hợp tác xã nông nghiệp D (gọi tắt là hợp tác xã) có trách nhiệm trả nguyên đơn số tiền còn thiếu là 594.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm tính từ ngày 30/10/2017 đến khi xét xử xong vụ án.

Năm 2016, 2017 nguyên đơn có bán vật tư nông nghiệp cho hợp tác xã những lần nhận hàng do ông Đỗ Ngọc T1 là kế toán hợp tác xã nhận hàng. Ông L là người đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã thanh toán tiền mặt hoặc chuyển khoản cho nguyên đơn, việc chuyển khoản bằng tài khoản cá nhân ông L hay của Hợp tác xã thì nguyên đơn chưa xác định.

Vào ngày 04/5/2018, tại UBND thị trấn T, các bên đã thống nhất xác định số nợ còn lại là 594.000.000 đồng là của Hợp tác xã, không phải nợ cá nhân ông L việc này có sự chứng kiến của ông T (Giám đốc), ông L1 (Phó Giám đốc) ông T1 (Kế toán)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn T trình bày: Hiện tại ông là Giám đốc Hợp tác xã nông nghiệp D. Từ trước đến nay hợp tác xã hoạt động nhưng không đăng ký bằng hiệu.

Ngày 04/5/2018 tại trụ sở UBND thị trấn T có mời ông lên hòa giải, ông có chứng kiến ký tên vào biên bản.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Hợp tác xã trả số tiền nợ gốc 594.000.000 đồng và lãi từ 30/10/2017 đến ngày 28/02/2019 là 79.206.336 đồng thì ông không đồng ý, số tiền nợ này là nợ cá nhân của ông L chứ không phải nợ của Hợp tác xã. Việc ông L có trả số tiền 1.026.000.000 đồng cho hộ kinh doanh như thế nào thì

ông cũng như các thành viên Hợp tác xã không biết, đến ngày 04/5/2018 thông qua buổi hòa giải tại UBND thị trấn T thì mới biết còn nợ số tiền 594.000.000 đồng. Tại buổi hòa giải ngày 04/5/2018, các bên đều xác định số nợ trên là nợ của ông L.

Ông Đỗ Ngọc T1 trình bày: Năm 2016-2017 Hợp tác xã có mua một số vật tư nông nghiệp của hộ kinh doanh, quá trình giao nhận hàng ông là thành viên, kiêm kế toán của Hợp tác xã có ký nhận hàng sau đó phát lại cho các thành viên Hợp tác xã tổng số tiền nợ là 1.529.995.000 đồng. Đến tháng 3/2017 Hợp tác xã có đi gom tiền các thành viên 1.526.000.000 đồng. Thủ quỹ Hợp tác xã là ông Nguyễn Văn G giao số tiền 1.026.000.000 đồng, cho ông L mang trả cho hộ kinh doanh. Đến tháng 3/2017, Hợp tác xã tiếp tục gom 500.000.000 đồng để trả cho hộ kinh doanh chỉ còn nợ lại 3.995.000 đồng.

Ông xác định số nợ trên là nợ cá nhân ông L. Qua buổi hòa giải ngày 04/5/2018 các thành viên Hợp tác xã mới biết số nợ 594.000.000 đồng và đều thống nhất số nợ trên là của cá nhân ông L.

Ông Nguyễn Văn L1 trình bày: Năm 2016-2017 Hợp tác xã có mua một số vật tư nông nghiệp của hộ kinh doanh, quá trình giao nhận hàng ông T1 là kế toán của Hợp tác xã có ký nhận hàng sau đó phát lại cho các thành viên Hợp tác xã tổng số tiền nợ là 1.529.995.000 đồng. Đến tháng 3/2017, ông T1 có đi gom tiền các thành viên 1.526.000.000 đồng. Trong đó ông T1 trực tiếp trả 500.000.000 đồng, còn số tiền 1.026.000.000 đồng, ông G giao cho ông L mang trả cho hộ kinh doanh. Như vậy tổng cộng Hợp tác xã đã trả cho hộ kinh doanh 1.526.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại 3.995.000 đồng

Ông xác định số nợ trên là nợ cá nhân ông L. Qua buổi hòa giải ngày 04/5/2018, các thành viên Hợp tác xã mới biết số nợ 594.000.000 đồng và đều thống nhất số nợ trên là của cá nhân ông L.

Ông Nguyễn Văn G trình bày: Ông là thủ quỹ Hợp tác xã. Năm 2016-2017 Hợp tác xã có mua một số vật tư nông nghiệp của hộ kinh doanh, quá trình giao nhận hàng ông T1 là kế toán của Hợp tác xã có ký nhận hàng sau đó phát lại cho các thành viên Hợp tác xã tổng số tiền nợ là 1.529.995.000 đồng. Ông là thủ quỹ nên đã giao cho ông L số tiền 1.026.000.000 đồng, vào các ngày sau:

Ngày 18/10/2016 giao ông L 76.000.000 đồng;

Ngày 15/11/2016 giao ông L 950.000.000 đồng, để ông L mang trả cho hộ kinh doanh, ông T1 là kế toán có trả cho hộ kinh doanh 500.000.000 đồng. Như

vậy tổng cộng Hợp tác xã đã trả cho hộ kinh doanh 1.526.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại 3.995.000 đồng.

Ông xác định số nợ trên là nợ cá nhân ông L. Qua buổi hòa giải ngày 04/5/2018, các thành viên Hợp tác xã mới biết số nợ 594.000.000 đồng và đều thống nhất số nợ trên là của cá nhân ông L.

Đại diện UBND thị trấn T trình bày: Đối với biên bản ngày 16/7/2019 của Hợp tác xã Nông nghiệp D, UBND thị trấn T có xác nhận vào ngày 29/7/2019 việc ông Nguyễn Xuân L đã nhận số tiền 1.026.000.000 đồng của Hợp tác xã để trả nợ cho cửa hàng vật tư nông nghiệp D nhiều đợt 435.000.000 đồng và còn thiếu 591.000.000 đồng, số tiền này là nợ cá nhân của ông L. Tại biên bản ngày 04/5/2018 ông L cũng cam kết với UBND thị trấn và cửa hàng vật tư nông nghiệp Đức M mỗi tháng ông L trả 100.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2019/KDTMST ngày 30/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh tuyên xử như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hộ kinh doanh Nguyễn Đức M (Minh G).

Buộc Hợp tác xã nông nghiệp D có trách nhiệm trả cho hộ kinh doanh Nguyễn Đức M (Minh G) số nợ tổng cộng 4.794.000 đồng, trong đó tiền gốc là 3.995.000 đồng và lãi là 799.000 đồng.

Bác một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu Hợp tác xã nông nghiệp D có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc còn lại là 590.005.000 đồng và lãi là 118.001.000 đồng. Tổng cộng là 708.006.000 đồng, vì không đủ cơ sở.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và lãi suất chậm trả khi thi hành án. Ngày 06/11/2019 nguyên đơn kháng đề nghị được chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo vẫn giữ yêu cầu kháng cáo

Các đương sự còn lại vẫn giữ yêu cầu như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

-Về thủ tục tố tụng: đương sự và Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Đối với cấp sơ thẩm có vi phạm trình tự thủ tục tố tụng như xác định thiếu tư cách của ông Nguyễn Xuân L, ngoài việc ông L tham gia với tư cách người đại

diện theo pháp luật thì còn phải tham gia với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan mới phù hợp.

Việc ông L giữ lại số tiền để sử dụng các nhân nhưng án sơ thẩm tách riêng bằng vụ kiện khác là thiếu khách quan, không bảo vệ đầy đủ các quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn.

Ngày 15/10/2019 Tòa sơ thẩm đưa vụ án ra xét xử nhưng tạm ngưng để xác minh, thu thập chứng cứ, đến ngày 30/10/2019, phiên tòa tiếp tục xét xử nhưng thành phần hội đồng xét xử và kiểm sát viên tham gia phiên tòa có sự thay đổi là vi phạm Điều 232, 226 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Bản án sơ thẩm nhận định không xác định được đối tượng mua bán là các nhân ông L hay Hợp tác xã D là chưa phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ.

Với những ý kiến nêu trên, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hộ kinh doanh Nguyễn Đức M khởi kiện Hợp tác xã nông nghiệp D yêu cầu phải thanh toán số tiền nợ vật tư nông nghiệp là 594.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm tính từ ngày 30/10/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 118.800.000 đồng tổng cộng nợ gốc và lãi là 712.800.000 đồng. Cấp sơ thẩm thụ lý, xét xử theo quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng mua bán là có căn cứ đúng pháp luật.

Qua xem xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu của nguyên đơn là không có cơ sở với các căn cứ sau:

[1] Hợp tác xã nông nghiệp D được cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã ngày 08/9/2016, do ông Nguyễn Xuân L – Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật, có 46 thành viên tham gia. Mục tiêu hoạt động của Hợp tác xã là hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung của thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý Hợp tác xã.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh Hợp tác xã có mua vật tư nông nghiệp của hộ kinh doanh Nguyễn Đức M trong giai đoạn năm 2016-2017 với tổng số

tiền 1.529.000.000 đồng, hợp tác xã đã thanh toán đủ cho nguyên đơn chỉ còn nợ lại 3.995.000 đồng, thanh toán đến số tiền 1.026.000.000 đồng được giao cho ông L có trách nhiệm trả cho hộ kinh doanh Nguyễn Đức M, tuy nhiên ông L chỉ trả được 435.000.000 đồng, số tiền còn lại 594.000.000 đồng ông L hứa sẽ trả cho doanh nghiệp mỗi tháng 100.000.000 đồng vào ngày 30 hàng tháng. Sự việc này được ông L thừa nhận tại biên bản làm việc ngày 04/5/2018 của UBND thị trấn T. Như vậy đã chứng minh ông L đã sử dụng số tiền của Hợp tác xã thanh toán cho doanh nghiệp Đức M vào mục đích cá nhân của ông nên ông phải chịu trách nhiệm.

[2] Đối với việc nguyên đơn vẫn cho rằng hợp tác xã phải chịu trách nhiệm là không có căn cứ bởi lẽ; giữa Hộ kinh doanh Nguyễn Đức M và Hợp tác xã nông nghiệp D không có ký một văn bản hay hợp đồng chính thức và thỏa thuận bằng lời nói nào về việc mua bán vật tư nông nghiệp. Việc mua bán của các bên chỉ thông qua thỏa thuận miệng mọi giao dịch trả tiền từ cá nhân ông L là chính. Do đó không thể quy trách nhiệm cho Hợp tác xã phải thanh toán nợ.

Hiện nay những thành viên còn lại của Hợp tác xã là ông T, L1, T1, G tự nguyện trả cho nguyên đơn số tiền hợp tác xã còn thiếu là 3.995.000 đồng và lãi suất, cấp sơ thẩm chấp nhận là phù hợp.

Về lãi suất nguyên đơn yêu cầu trả lãi 10%/năm trên số nợ đến ngày xét xử sơ thẩm, mức lãi suất này là không cao cấp sơ thẩm chấp nhận là phù hợp. Riêng lãi suất chậm trả khi thi hành án thì các bên không có thỏa thuận vậy cần phải áp dụng lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường nếu bị đơn chậm thi hành án. Vậy Cần điều chỉnh lại phần này.

Đối với những căn cứ mà Viện kiểm sát nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy:

- Việc cấp sơ thẩm tách riêng số nợ của ông L với nguyên đơn là không sai bởi vì; nguyên đơn không yêu cầu ông L thanh toán nợ mà chỉ yêu cầu Hợp tác xã cho nên không có cơ sở để buộc ông L trả nợ trong cùng vụ án này. Do đó nguyên đơn vẫn có quyền khởi kiện ông L đòi số nợ bằng vụ kiện khác.

- Cấp sơ thẩm có tạm ngừng phiên tòa, sau đó mở phiên tòa lại có thay đổi một số người tiến hành tố tụng, nhưng thủ tục bắt đầu phiên tòa đã được thực hiện lại từ đầu được quy định tại mục 2, 3 Bộ luật tố tụng dân sự, vẫn bảo đảm cho các đương sự được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình trong suốt quá trình xét xử.

- Đối với ông L được xác định tư cách là người đại diện theo pháp luật của Hợp tác xã, số nợ các nhân ông đã thừa nhận và đồng ý thanh toán cho nguyên đơn. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm ông L đều vắng mặt (bỏ địa phương), đồng thời nguyên đơn cũng không có yêu cầu ông L trả nợ nên cũng không cần gán thêm một tư cách nữa cho ông L. Dành quyền cho nguyên đơn được quyền kiện ông L bằng vụ kiện khác là phù hợp.

Về nội dung vụ án đã được phân tích ở trên. Do đó đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ là không cần thiết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Tuyên xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Hộ kinh doanh Nguyễn Đức M.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hộ kinh doanh Nguyễn Đức M (Minh G).

Buộc Hợp tác xã nông nghiệp D có trách nhiệm trả cho hộ kinh doanh Nguyễn Đức M (Minh G) số nợ tổng cộng 4.794.000 đồng, trong đó tiền gốc là 3.995.000 đồng và lãi là 799.000 đồng.

Bác một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu Hợp tác xã nông nghiệp D có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc còn lại là 590.005.000 đồng và lãi là 118.001.000 đồng. Tổng cộng là 708.006.000 đồng, vì không đủ cơ sở.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 32.320.240 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp 15.464.000 đồng theo biên lai số 001506 ngày 01/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh; nguyên đơn còn phải nộp 16.856.240 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: Nguyên đơn phải chịu 2.000.000 đồng nhưng được trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000 đồng theo biên lai số 008388 ngày 07/11/2019, của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh; nguyên đơn đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu Hợp tác xã nông nghiệp D chậm thanh toán số tiền trên thì phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND H.Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS. H.Vĩnh Thạnh;
- Lưu (HS – 2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Trí Dũng